

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST

Ngày: 30/3/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Đình Phúc,

2. Bà Phạm Thị Bông,

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 và ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 162/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-DS ngày 04/3/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 20/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh ngày 28/9/1986;

Căn cước công dân số: 030186002719;

Nơi đăng ký thường trú: Số D, T, phường H, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: Số D, T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 25/5/1986;

Căn cước công dân số: 030086020133;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng; (Địa chỉ cũ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương), vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn H có quen biết từ trước, do tin tưởng nên khi anh H có nhu cầu mượn chị tiền để kinh doanh, chị T đã đồng ý cho anh H vay số tiền 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), chị T chuyển khoản cho anh H 18 lần từ ngày 07/11/2024 đến ngày 09/12/2024. Số tiền chị T cho anh H vay là tài sản riêng của chị, chồng chị là anh

Nguyễn Ngọc T1 có biết việc chị T cho anh H vay tiền nhưng số tiền này không liên quan đến anh T1. Chị T có biết việc anh H có vợ nhưng chị T không quen biết vợ anh H, chị T chỉ cho vay riêng đối với anh H, không liên quan đến vợ anh H. Anh H đã trả cho chị T số tiền là 1.158.550.000 đồng (*một tỷ một trăm năm mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), hình thức trả thông qua chuyển khoản 6 lần cho chị T. Số tiền còn lại anh H nợ chị T là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh H có hứa hẹn trả nốt số tiền nêu trên nhưng thực tế anh H không trả và luôn tìm cách né tránh. Chị T đã nhiều lần đến nhà tìm gặp anh H để yêu cầu trả nợ nhưng đều không liên lạc được, không gặp được anh H. Chị T đã nhiều lần nhắn tin gọi điện nhưng anh H không trả lời, không nghe máy.

Chị T đã cung cấp sao kê tài khoản ngân hàng (mã khách hàng 5745937, tên khách hàng DAO THI THUONG) của chị tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trong thời gian từ 7/11/2024 đến ngày 09/12/2024 trong đó có 03 giao dịch - các ngày 20/11/2024; 21/11/2024 và ngày 03/12/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 8000038888 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm ngàn đồng*), 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), 10.500.000 đồng (*mười triệu năm trăm ngàn đồng*) đến tài khoản của khách hàng Đào Thị T (sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719, nơi cấp Cục cảnh sát) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là các giao dịch đổi tiền mặt của anh H thông qua chị T, không phải giao dịch trong hợp đồng vay tài sản đang tranh chấp giữa chị T và anh H.

Nhận thấy việc không trả nợ của anh H ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, chị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng giải quyết:

1. Buộc anh Bùi Văn H phải trả lại cho chị Đào Thị T toàn bộ số tiền còn lại mà anh H đã vay của chị T là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

2. Buộc anh Bùi Văn H phải trả cho chị Đào Thị T số tiền lãi của số tiền 1.166.450.000 đồng mà anh H đã vay chị T là 102.264.109 đồng tính từ ngày 10/11/2024 đến ngày 30/09/2025, lãi suất 10%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị T xin rút yêu cầu “Buộc anh Bùi Văn H phải trả cho chị số tiền lãi của số tiền 1.166.450.000 đồng mà anh H đã vay chị T là 102.264.109 đồng tính từ ngày 10/11/2024 đến ngày 30/09/2025, lãi suất 10%/năm”.

Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Bùi Văn H và đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh H biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh H đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần anh H đến phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng anh Nguyễn Ngọc T1 là chồng của chị T trình bày: Anh có biết việc chị Đào Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Văn H trả cho chị T số tiền anh H còn nợ là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền nêu trên là tài sản riêng của chị T nên chị T toàn quyền quyết định, định đoạt. Anh không liên quan đến số tiền nêu trên.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của anh Bùi Văn H trình bày: bà là mẹ đẻ của anh H, anh H hiện đang thuê trọ ở thành phố H (địa chỉ chưa sáp nhập) còn cụ thể hiện anh H ở đâu thì bà không biết. Anh H vẫn thường xuyên về nhà ở thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng. Bà T2 không nắm được việc anh H vay nợ của chị Đào Thị T bao nhiêu tiền. Bà chỉ biết anh H có vay nợ nhưng do làm ăn khó khăn nên anh H chưa trả được, khi có điều kiện anh H sẽ trả. Bà T2 xác nhận ông Bùi Văn S, chồng bà đã giao và thông báo cho anh H biết: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ. Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng nêu trên và không có ý kiến gì. Bà T2 xác định bà không liên quan đến việc vay nợ của anh H. Bà đã nhận Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải mà Tòa án đã giao cho anh H và cam kết giao lại cho anh H.

Kết quả làm việc với địa phương về anh H, ông Nguyễn Văn H1 -Trưởng khu dân cư phường V trình bày: Địa phương đã đến chỗ ở của anh Bùi Văn H là bị đơn trong vụ án dân sự tại số nhà G, phố Đ, khu dân cư T, phường V, thành phố Hải Phòng để làm việc với anh H về việc chị Đào Thị T đòi nợ. Tuy nhiên anh H không có mặt tại địa chỉ trên, cửa nhà đóng, ông đã gọi cửa nhưng không có ai trả lời, không ai mở cửa, không có người ở nhà. Ông H1 cho biết anh Bùi Văn H hiện không có đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương, không tham gia hoạt động gì của địa phương.

Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng có công văn gửi Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, chi nhánh H3, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, chi nhánh T3, Ngân hàng B1 (L), các Ngân hàng nêu trên đã cung cấp thông tin như Tòa án nhân dân khu vực 13 đã yêu cầu.

Tại công văn số 971/XNC-D1 ngày 02/02/2026, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H xác định: Anh Bùi Văn H, sinh ngày 25/5/1986; Căn cước công dân số: 030086020133; Nơi đăng ký thường trú: thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đang sự xuất cảnh gần nhất ngày 13/9/2018 bằng hộ chiếu số C5001377 qua cửa khẩu sân bay N, nhập cảnh trở lại ngày 16/9/2018 bằng hộ chiếu trên qua cửa khẩu sân bay N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án đúng quy định Điều 191, 196; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 96, 98, 99 và các Điều từ Điều 208 đến Điều 211; khoản 1 Điều 196, khoản 1 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy tuy có giao dịch chuyển tiền giữa tài khoản của nguyên đơn Đào Thị T với tài khoản mang tên Bùi Văn H, tuy nhiên giữa chị T anh H không tồn tại hợp đồng bằng văn bản, không có người làm chứng, tất cả chỉ là lời trình bày một bên của chị T. Chị T đã cung cấp các tin nhắn đòi tiền đối với tài khoản tên H nhưng không có trả lời của tài khoản này mà chỉ có lời đòi tiền một bên của chị T. Toà án đã tiến hành làm việc với bố mẹ anh H và đăng tin tìm kiếm anh H để cung cấp lời khai làm rõ vụ án tuy nhiên bố mẹ anh H không nắm được việc vay tiền như chị T trình bày, anh H không xuất hiện nên chưa có đủ căn cứ để xác định anh H là người vay số tiền 1.166.450.000 đồng của chị T. Do đó xác định vụ án chưa có đủ căn cứ để giải quyết nên Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị T có đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn anh Bùi Văn H; Nơi đăng ký thường trú: Đ, thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương); Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Chị Đào Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án khu vực 13 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không hợp tác, không gửi văn bản ghi quan điểm của mình và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại phiên tòa lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

[2.1] Xét giao dịch giữa chị Đào Thị T và anh Bùi Văn H: về mặt chủ thể, chị T và anh H tại thời điểm xác lập giao dịch đã đủ tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên hoàn toàn tự nguyện giao dịch với mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Chị T được xác định sử dụng số tài khoản 09628911986, tên khách hàng DAO THI THUONG tại ngân hàng M1; A Bùi Văn H được xác định sử dụng 02 số tài khoản lần lượt là (1) số tài khoản 0986934534 tại ngân hàng M1 thông qua Văn bản trả lời số 131/MB-CN Hải Dương ngày 21/03/2026 của M1 chi nhánh H3 về việc cung cấp thông và Văn bản trả lời số 91/MB-THN ngày 23/03/2026 của M1 chi nhánh T3 về việc cung cấp thông tin, và (2) số tài khoản 8000038888 tại ngân hàng L1 thông qua Văn bản ngày 18/03/2026 của L1 chi nhánh H3 về việc trả lời công văn phối hợp.

Chị T không cung cấp được văn bản thể hiện giao dịch giữa chị T và anh H tuy nhiên chị T cung cấp được bản sao kê tài khoản thể hiện nội dung chị T có chuyển khoản cho anh H 14 lần từ ngày 07/11/2024 đến ngày 09/12/2024 tổng số tiền là 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), anh H có chuyển khoản cho chị T 09 lần số tiền 1.181.150.000 (*một tỷ một trăm tám mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) nên có căn cứ xác định, về hình thức giao dịch giữa chị T và anh H là giao dịch bằng lời nói, hậu quả của giao dịch thể hiện ở các lần chuyển khoản qua lại giữa chị T và anh H, do vậy giao dịch giữa chị T và anh H là giao dịch dân sự có hiệu lực pháp luật căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Nguyên đơn, chị Đào Thị T trình bày chị và anh H có quen biết từ trước, do tin tưởng nên khi anh H có nhu cầu mượn chị tiền để kinh doanh, chị T đã đồng ý cho anh H vay số tiền 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), tại bản tự khai, chị T khai đã chuyển khoản cho anh H 18 lần tổng số tiền 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), tuy nhiên theo sao kê chứng từ của ngân hàng M1, việc chuyển khoản từ tài khoản của chị T qua tài khoản của anh H do chị T cung cấp và đối chiếu với bản sao chứng từ do ngân hàng M cung cấp, thực tế chị T đã chuyển khoản cho anh H 14 lần từ ngày 07/11/2024 đến ngày 09/12/2024. Tương tự, Anh H2 trong quá trình vay tiền của chị T đã chuyển tiền lại cho chị T thông qua 9 lần chuyển khoản thể hiện trên sao kê nói trên. Cụ thể:

1. Về giao dịch phát sinh nợ (14 giao dịch):

- Ngày 07/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản số **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển là 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24312451448586 và số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24312946721440.

- Ngày 11/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản số **0986934534** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền chuyển 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) số bút toán FT24316637176863.

- Ngày 14/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản số **0986934534** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền chuyển 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) số bút toán FT24319408540843.

- Ngày 22/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) số bút toán FT24327994026856.

- Ngày 25/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển là 450.000.000 đồng số bút toán FT243330694850489, số tiền chuyển là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24330006728780, số tiền chuyển là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) số bút toán FT24330925080382 và số tiền chuyển là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24330921410610.

- Ngày 26/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24331436608503.

- Ngày 28/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) số bút toán FT24333877904075.

- Ngày 29/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24334001470855.

- Ngày 04/12/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng

Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) số bút toán FT24339163303954.

- Ngày 09/12/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 thực hiện giải ngân của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 đến tài khoản **8000038888** của ông Bùi Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, số tiền chuyển 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) số bút toán FT24344084178845.

2. Về giao dịch phát sinh có (09 giao dịch):

- Ngày 11/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) số bút toán FT24316055270293 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 20/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24325432006827 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 21/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) số bút toán FT24326062672502 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 23/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 400.500.000 đồng (*bốn trăm triệu năm trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24328076001700 và 200.600.000 đồng (*hai trăm triệu sáu trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24328093608006 đến tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 26/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển là 50.200.000 đồng (*năm mươi triệu hai trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24331967114800 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 27/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) số bút toán FT24332254791352 và 102.250.000 đồng (*một trăm linh hai*

triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) số bút toán FT24332716628762 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Ngày 03/12/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển là 10.500.000 đồng (*mười triệu năm trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24338120211140 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Theo chị T 03 giao dịch mà anh H gửi tiền cho chị T như sau:

Ngày 20/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24325432006827 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Ngày 21/11/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) số bút toán FT24326062672502 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Ngày 03/12/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M) - Chi nhánh H3 nhận được khoản giải ngân của ông Bùi Văn H tài khoản 0986934534 từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B1, số tiền chuyển 10.500.000 đồng (*mười triệu năm trăm ngàn đồng*) số bút toán FT24338120211140 tới tài khoản của khách hàng Đào Thị T, sinh năm 1986; CCCD số: 030186002719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Các giao dịch này không nằm trong phạm vi hợp đồng vay đang tranh chấp giữa chị T và anh H bởi vì đây là các giao dịch nhằm đổi tiền mặt cho anh H.

Ngoài ra không có căn cứ để xác định hai bên thỏa thuận cho vay tiền có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay do đó xác định quan hệ giữa anh H và chị T là quan hệ hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận về thời hạn không thỏa thuận về lãi suất theo Điều 463 Bộ luật Dân sự. Cụ thể, qua tra soát sao kê ngân hàng và thông tin lời khai của chị T xác định hợp đồng cho vay tài sản giữa chị T và anh H có nội dung sau: tổng số tiền anh H vay chị T là 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), phương thức thanh toán thông qua chuyển khoản, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn; trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay tài sản nói trên, anh H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ 6 lần tính đến ngày chị T khởi kiện vụ án này tại Tòa án, số tiền anh H còn nợ chị T theo tính toán từ các chứng

từ liên quan là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ của anh Bùi Văn H: chị Đào Thị T đã cho anh H vay 2.325.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng*), thực tế chị T chuyển khoản cho anh H 14 lần từ ngày 07/11/2024 đến ngày 09/12/2024, trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, anh H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ 6 lần tính đến ngày chị T khởi kiện anh H tại Tòa án, số tiền anh H còn nợ chị T theo tính toán từ các chứng từ liên quan là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) như chị T yêu cầu trong đơn khởi kiện. Chị T khai đã nhiều lần yêu cầu anh H trả nợ nhưng không liên lạc được, không gặp được anh H. Chị T đã nhiều lần nhắn tin gọi điện nhưng anh H không trả lời, không nghe máy, chị T đã cung cấp chứng cứ là có nhắn tin gọi điện cho anh H yêu cầu anh H trả nợ thông qua tin nhắn với số điện thoại +84925262838 và zalo với tên chủ tài khoản là Hau B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Bùi Văn H và đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh H biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh H đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh H đến phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt tại phiên tòa. Anh H thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với chị T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nguyên tắc của Bộ luật Dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những căn cứ nêu trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn chị Đào Thị T “Buộc anh Bùi Văn H phải trả cho chị T số tiền nợ gốc mà anh H đã vay nhưng chưa trả cho chị T là 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*)”, anh H có nghĩa vụ trả nợ cho chị T 1.166.450.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện chị đề nghị “Buộc anh Bùi Văn H phải trả cho chị số tiền lãi của số tiền là 1.166.450.000 đồng mà anh H đã vay là 102.264.109 đồng tính từ ngày 10/11/2024 đến ngày 30/09/2025, lãi suất 10%/năm”. Căn cứ vào các Điều 217, 218, 219, 235 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chị T yêu cầu anh H trả cho chị số tiền lãi là 102.264.109 đồng theo yêu cầu khởi kiện đã được thụ lý của chị Đào Thị T.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật phí

và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 217, 218, 219, 235, Điều 227, 228, 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 3, Điều 116, 117, Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

Buộc anh Bùi Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đào Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số D, T, phường H, thành phố Hải Phòng số tiền nợ gốc là 1.166.450.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản án có hiệu lực pháp luật thì kể từ khi chị Đào Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh Bùi Văn H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T yêu cầu anh Bùi Văn H thanh toán đối với số tiền lãi của số tiền là 1.166.450.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) mà anh H đã vay chị T là 102.264.109 đồng tính từ ngày 10/11/2024 đến ngày 30/09/2025, lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H chịu **46.993.500** đồng (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Đào Thị T số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi tư triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0005459 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến